



PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP, ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DNNV
(Kèm theo Công văn số 10688/UBND -KTTH ngày 14/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	Định kỳ khảo sát, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng và đào tạo nghề của doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sát với thực tế. - Rà soát nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp theo ngành nghề, trình độ và vị trí việc làm; - Số lượng lao động doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng trong ngắn hạn và trung hạn; - Nhu cầu đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng và đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; - Các kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng mềm và các yêu cầu khác mà doanh nghiệp đặt ra đối với người lao động; - Mức độ đáp ứng của lao động đã qua đào tạo đối với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp; - Những ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu nhân lực tăng cao hoặc có nguy cơ thiếu hụt lao động. - Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và làm cơ sở để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu điều chỉnh quy mô, ngành nghề, nội dung và phương thức đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, đào tạo	Năm 2026 và các năm tiếp theo	- Báo cáo kết quả khảo sát; cơ sở dữ liệu nhu cầu tuyển dụng và đào tạo nghề của doanh nghiệp; đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu thị trường lao động. - Báo cáo tổng hợp nhu cầu tuyển dụng. -Phiếu khảo sát và báo cáo nhu cầu đào tạo

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
2	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	- Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về nhu cầu tuyển dụng và đào tạo nghề của doanh nghiệp: Trên cơ sở kết quả khảo sát, Sở Giáo dục và Đào tạo từng bước xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nhu cầu tuyển dụng và đào tạo nghề của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cơ sở dữ liệu tập trung vào các thông tin chủ yếu về doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng; ngành nghề tuyển dụng; số lượng và trình độ lao động cần tuyển; yêu cầu về kỹ năng nghề; nhu cầu đào tạo, đào tạo lại; thời gian dự kiến tuyển dụng và các thông tin liên quan khác. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu nhằm tăng cường kết nối thông tin giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp - người học - doanh nghiệp; hỗ trợ công tác dự báo nhu cầu nhân lực và nâng cao hiệu quả đào tạo gắn với việc làm. - Tăng cường thông tin, tư vấn và kết nối cung - cầu lao động và xu hướng phát triển của thị trường lao động cho học sinh, sinh viên, người học nghề. Qua đó giúp người học có cơ sở lựa chọn ngành nghề phù hợp, đồng thời giúp doanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Cơ sở dữ liệu nhu cầu nhân lực và đào tạo nghề

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
3	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	Rà soát, đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp, cụ thể: Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến của doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát chương trình đào tạo hiện hành, tập trung: - Cập nhật nội dung đào tạo theo yêu cầu thực tế của doanh nghiệp; - Tăng thời lượng thực hành, thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp; - Bổ sung kỹ năng số, kỹ năng sử dụng công nghệ, kỹ năng mềm và các kỹ năng nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu; - Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng, góp ý và đánh giá chương trình đào tạo; - Khuyến khích tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp khi có đủ điều kiện theo quy định. - Qua đó từng bước thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và sử dụng lao động, nâng cao tỷ lệ người học có việc làm phù hợp sau đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Báo cáo rà soát, đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
4	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng lao động. Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động ký kết chương trình phối hợp với doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong các hoạt động: - Khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực; - Xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo; - Tổ chức thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; - Mời cán bộ kỹ thuật, chuyên gia của doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành; - Phối hợp đánh giá kỹ năng nghề của người học; - Hỗ trợ giới thiệu, kết nối việc làm sau đào tạo. - Đối với các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng cao, ưu tiên tăng cường mô hình đào tạo gắn với doanh nghiệp, bảo đảm người học được tiếp cận môi trường sản xuất, kinh doanh thực tế.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Doanh nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Chương trình phối hợp/liên kết; số doanh nghiệp tham gia; số người học được thực hành, thực tập và kết nối việc làm

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
5	Hỗ trợ mở rộng thị trường	Hỗ trợ mở rộng thị trường, hỗ trợ xuất khẩu và khai thác các FTA: Tiếp tục tăng cường cung cấp thông tin mới nhất về chính sách thương mại, xu hướng tiêu dùng, các rào cản kỹ thuật (TBT, SPS) của nước nhập khẩu cho doanh nghiệp; phối hợp rà soát xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV đổi mới công nghệ, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi sản xuất xanh. Tổ chức tập huấn hỗ trợ doanh nghiệp hiểu và đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ hàng hóa để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Xúc tiến thương mại gắn với thương hiệu: Hướng dẫn doanh nghiệp khai thác sâu các thị trường đã có FTA, hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ và xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu bền vững	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.	Thường xuyên	Thông tin, tài liệu hướng dẫn về chính sách thương mại, TBT, SPS, quy tắc xuất xứ và thị trường FTA; các hội nghị, tập huấn, hoạt động xúc tiến thương mại được tổ chức; doanh nghiệp được hỗ trợ về đổi mới công nghệ, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ sở hữu trí tuệ và xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu.

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
6	Hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho DNNVV	Tiếp tục rà soát nhu cầu đầu tư, ưu tiên bố trí và huy động các nguồn lực để từng bước đầu tư, hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các CCN, nhất là hạ tầng bảo vệ môi trường; đồng thời tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng CCN nhằm giảm áp lực đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tiếp tục rà soát các quy định pháp luật có liên quan; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn, hoàn thiện quy định về quản lý, sử dụng, khai thác và chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng CCN hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý, khai thác và bảo trì hạ tầng CCN, bảo đảm thống nhất, hiệu quả và đúng quy định.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.	Thường xuyên	Kết quả rà soát nhu cầu, hiện trạng và nguồn lực đầu tư hạ tầng CCN; các dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng được triển khai theo khả năng nguồn lực; báo cáo, văn bản kiến nghị hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác, bảo trì và chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng CCN được tham mưu theo quy định.

TT	Nhóm giải pháp	Giải pháp, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/kết quả
7	Tăng cường hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực doanh nghiệp	- Chuyển từ hỗ trợ theo chương trình sang hỗ trợ theo nhu cầu và bài toán cụ thể của doanh nghiệp: Rà soát nhu cầu thực tế của DNNVV theo nhóm ngành, quy mô và mức độ sẵn sàng về công nghệ; trên cơ sở đó xác định các nhóm nhu cầu trọng tâm như: đổi mới, hoàn thiện công nghệ; tự động hóa; chuyên đổi số; truy xuất nguồn gốc; tiêu chuẩn, chất lượng; sở hữu trí tuệ; tiết kiệm năng lượng; phát triển sản phẩm và thương mại hóa. Việc hỗ trợ ưu tiên giải quyết một bài toán cụ thể của doanh nghiệp, có đầu ra xác định, thay cho việc chủ yếu tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn theo diện rộng. - Hình thành cơ chế “kết nối nhu cầu công nghệ - giải pháp công nghệ”: Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối tổng hợp nhu cầu công nghệ của DNNVV; kết nối với doanh nghiệp công nghệ, trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức khoa học và công nghệ có khả năng cung cấp giải pháp Ưu tiên các nhu cầu có khả năng áp dụng thực tế, tạo sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí hoặc đáp ứng yêu cầu của thị trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.	Thường xuyên	Số DNNVV được rà soát, xác định nhu cầu công nghệ; số DNNVV được hỗ trợ giải quyết bài toán công nghệ cụ thể; số DNNVV được kết nối với tổ chức công nghệ; số giải pháp công nghệ được áp dụng; số sản phẩm được hoàn thiện; số doanh nghiệp được hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng tiêu chuẩn, công cụ năng suất và chất lượng; số giải pháp được đưa vào ứng dụng và các kết quả kinh tế - kỹ thuật có thể xác định